

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2026/TLST- DS, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ L.**

Địa chỉ: **Số C L, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Võ L1.**

Địa chỉ: **KDC B, thôn D, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.**

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T.**

Địa chỉ: **KDC B, thôn D, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Trung H.** Địa chỉ: **Số C L, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị **Nguyễn Thị T** phải trả cho chị **Trần Thị Mỹ L** số tiền là **338.333.333 đồng** (Bằng chữ: *Ba trăm ba mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **8.458.333 đồng** (*Tám triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) các đương sự thỏa thuận chị **Nguyễn Thị T** phải chịu.

+ Chị **Trần Thị Mỹ L** không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị **Trần Thị Mỹ L** số tiền **8.262.500 đồng** (*Tám triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001870 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4;
- Phòng THA DS KV4;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hồng Dung